

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung
và thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ áp dụng tại cấp huyện
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 3020/TTr-VPUBND ngày 08/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính số thứ tự 05, 06 tại Phần I - Danh mục thủ tục hành chính nội bộ và nội dung của thủ tục hành chính nội bộ số 05 (từ trang số 16 đến hết trang số 17), thủ tục hành chính nội bộ số 06 (từ trang số 18 đến hết trang số 19); bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ số 18 được ban hành

kèm theo Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; Các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
VÀ BỊ BÃI BỎ ÁP DỤNG TẠI CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
CẤP HUYỆN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Phổ biến, giáo dục pháp luật	UBND cấp huyện
2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Phổ biến, giáo dục pháp luật	UBND cấp huyện

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021	Bảo trợ xã hội	UBND cấp huyện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG NỘI BỘ

1. Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Các cơ quan, tổ chức cấp huyện căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi Phòng Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện.

- Trong thời hạn **4,5 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin quy định, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, ra quyết định công nhận. Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật được gửi tới cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận và báo cáo viên pháp luật; được thông báo công khai theo quy định.

- Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không đáp ứng đầy đủ thông tin theo quy định thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan tiếp nhận có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật *(có đầy đủ các thông tin sau đây của người được đề nghị công nhận: Họ và tên; Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác; Trình độ chuyên môn; Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật)*.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn giải quyết tại Phòng Tư pháp: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết tại UBND cấp huyện: Trong thời hạn **4,5 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, tổ chức có yêu cầu công nhận Báo cáo viên pháp luật cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan, đơn vị có yêu cầu công nhận Báo cáo viên pháp luật UBND cấp huyện.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận Báo cáo viên pháp luật UBND cấp huyện.

h) Lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

2. Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Phòng Tư pháp và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do.

- Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật. Quyết định miễn nhiệm được gửi tới cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm và báo cáo viên pháp luật bị miễn nhiệm; được công bố công khai theo quy định.

- Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật không có đầy đủ các thông tin quy định thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tiếp nhận có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị miễn nhiệm *(có đầy đủ các thông tin sau đây của báo cáo viên pháp luật được đề nghị miễn nhiệm: Họ và tên; Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác; Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật; Lý do của việc đề nghị miễn nhiệm)*.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn giải quyết tại Phòng Tư pháp: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết tại UBND cấp huyện: Trong thời hạn **4,5 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, tổ chức có yêu cầu miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật UBND cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị UBND cấp huyện có yêu cầu miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật UBND cấp huyện.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật UBND cấp huyện.

h) Lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các trường hợp miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật bao gồm:

- Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác.

- Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên.

- Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.